Ngày soạn:

Ngày dạy:

## **TIẾT 33- 34: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1**

**I.** **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

***-***Hệ thống, củng cố kiến thức đã học trong chương III, IV chương trình Toán 8 phần hình học thông qua các bài tập, ôn tập.

- Củng cố và khắc sâu kỹ năng giải các bài tập hình học về tứ giác và đính lý talet trong tam giác.

- Thấy được sự liên hệ giữa các kiến thức đã học với thực tế.

- Rèn kỹ năng: Kỹ năng vẽ hình và kỹ năng chứng minh hình học.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***- Năng lực chung:***

+ Năng lực tự học: HS hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà và hoạt động cá nhân trên lớp.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh tiếp thu kiến thức, trao đổi học hỏi bạn bè thông qua việc thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động cặp đôi, nhóm; trao đổi giữa thầy và trò nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác.

***- Năng lực đặc thù:***

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực tính toán.

+ Năng lực giao tiếp toán học: trao đổi với bạn học về phương pháp giải và báo cáo trước tập thể lớp.

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: sử dụng thước đo góc, thước thẳng, eke, rèn luyện năng lực vẽ hình.

- Học sinh biết vận dụng tính sáng tạo để giải quyết tình huống của từng bài toán cụ thể nhằm phát triển năng lực sáng tạo.

**2. Về phẩm chất:** bồi dưỡng cho HS các phẩm chất:

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập và nhiệm vụ được giao một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ và có chất lượng các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Thiết bị dạy học:

**+ Về phía giáo viên:** bài soạn, tivi hoặc bảng phụ về nội dung bài ôn tập, bảng nhóm, phấn màu, máy soi bài.

**+ Về phía học sinh:** Dụng cụ học tập, sách giáo khoa, chuẩn bị bài trước khi đến lớp; vở ghi, phiếu bài tập.

- Học liệu: sách giáo khoa, sách bài tập, …

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Nhắc lại các kiến thức về tứ giác, hình thang, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi và hình vuông.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hoạt động cá nhân trả lời.  - HS đứng tại chỗ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  NV1, 2, HS đứng tại chỗ phát biểu  **Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả**  - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.  - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở | **A. Nhắc lại lý thuyết.**  **I- Tứ giác**  **1- Định nghĩa về tứ giác**    - Tứ giác  là hình gồm bốn đoạn thẳng  trong đó không có hai đoạn thẳng nào cùng nằm trên một đường thẳng.  - Tứ giác lồi là tứ giác mà hai đỉnh thuộc một cạnh bất kì luôn nằm về một phía của đường thẳng đi qua hai đỉnh còn lại.  Cụ thể: *Hình*  là tứ giác lồi, *Hình*  không phải là tứ giác lồi.  **2) Tổng các góc của một tứ giác.**  Tổng các góc của một tứ giác bằng  **II. Hình thang, hình thang cân.**  **1) Định nghĩa**    - Hình thang là tứ giác có hai cạnh đối song song.  - Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau  **2) Tính chất của hình thang cân**    - Trong hình thang cân hai góc kề một đáy bằng nhau.  - Trong hình thang cân, hai cạnh bên bằng nhau. Cụ thể  - Trong hình thang cân, hai đường chéo bằng nhau. Cụ thể  **3) Dấu hiệu nhận biết hình thang cân.**    Nếu một hình thang có hai đường chéo bằng nhau thì đó là hình  thang cân. Cụ thể hình thang có  thì hình thang  là hình thang cân.  **III . HÌNH BÌNH HÀNH**  **1) Định nghĩa**    Hình bình hành là tứ giác có các cạnh đối song song.  **2) Tính chất**    - Trong hình bình hành thì:  + Các cạnh đối bằng nhau  và  + Các góc đối bằng nhau  + Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường:  **3) Dấu hiệu nhận biết**  - Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là một hình bình hành.  - Tứ giác có một cặp cạnh đối song song và bằng nhau là một hình bình hành.  - Tứ giác có các góc đối bằng nhau là một hình bình hành.  - Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là một hình bình hành.  **IV. Hình chữ nhật**  **1) Định nghĩa**    Hình chữ nhật là tứ giác có bốn góc vuông.  **2) Tính chất**  Trong hình chữ nhật, hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.  **3) Dấu hiệu nhận biết**  - Hình bình hành có  góc vuông là hình chữ nhật.  - Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.  Chú ý: Nếu tam giác có một đường trung tuyến bằng nửa cạnh tương ứng thì tam giác đó là tam giác vuông.  **V. Hình thoi và hình vuông**  **1) Định nghĩa**    - Hình thoi là tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.  **-** Hình vuông là tứ giác có  góc vuông và  cạnh bằng nhau.  **2) Tính chất**  **a) Tính chất hình thoi**  - Hình thoi cũng là hình bình hành nên có tính chất của hình bình hành.  - Trong hình thoi, hai đường chéo vuông góc với nhau.  - Trong hình thoi, hai đường chéo là tia phân giác của các góc trong hình thoi.  **b) Tính chất hình vuông**  - Hình vuông cũng là hình chữ nhật, hình thoi nên có đầy đủ các tính chất của hai hình trên.  - Trong một hình vuông, hai đường chéo bằng nhau, vuông góc với nhau, cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường và là các đường phân giác của các góc hình vuông.  **3) Dấu hiệu nhận biết**  **a) Hình thoi**  - Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau là hình thoi.  - Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi.  - Hình bình hành có một đường chéo là tia phân giác của một góc là hình thoi.  **b) Hình vuông**  - Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông.  - Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông.  - Hình chữ nhật có một đường chéo là đường phân giác một góc là hình vuông. |
| **B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Bài tập** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài 1  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, vận dụng định lí tổng các góc của tứ giác đã học để giải toán.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 HS lên bảng giải.  - HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 1:** Tính số đo  trong các hình sau  **a)**    **b)**    **c)**    **Giải**  a) Tứ giác  có  Suy ra  b) Tứ giác  có  Suy ra  c) Tứ giác  có  Suy ra |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  **-** GV cho HS đọc đề bài 2.  Yêu cầu:  **-** Để tính các góc chưa biết ta làm thế nào?  - Hãy tính .  - Từ  và ta sẽ tính được  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo bàn nhiệm vụ của mình  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, và thảo luận theo 4 nhóm để làm bài  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 nhóm đổi chéo bài để kiểm tra chéo kết quả.  - GV hỗ trợ chiếu bài tập của học sinh trên Ti-vi.  - 1 đại diện trình bày kết quả bài làm.  - HS quan sát bạn trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn  - Giải thích những thắc mắc hoặc vấn đề chưa rõ của HS.  - GV chốt kiến thức bài tập | **Bài 2:** Tính các góc chưa biết của tứ giác biết    **Giải**  Tứ giác  có      Ta có  và  Suy ra |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 3.**  **Thi giải toán giữa các bàn.**  Yêu cầu:  **-** HS thực hiện giải theo nhóm bàn. Nhóm bàn nào báo cáo kết quả nhanh nhất, chính xác nhất là nhóm chiến thắng.  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện các bàn báo cáo kết quả  - Sau khi các nhóm báo cáo kết quả, GV cử 1 HS lên bảng trình bày lời giải, HS dưới lớp làm vào vở ghi chép cá nhân bài giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải của bài toán.  GV khẳng định lại kết quả bài toán. | **Bài 3:** Cho hình thang cân ,  và .  a) Từ  và  kẻ . Chứng minh rằng  bằng cách chứng minh .  b) Chứng minh , từ đó suy ra .  Lời giải    a) Ta có  Suy ra    Xét  và  có  ,  và  chung  Do đó  (g – c – g)  Suy ra  b) Xét và  có    Do đó  (cạnh huyền – cgv)  Suy ra |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 4.**  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện các bàn báo cáo kết quả  - Sau khi các nhóm báo cáo kết quả, GV cử 1 HS lên bảng trình bày lời giải, HS dưới lớp làm vào vở ghi chép cá nhân bài giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải của bài toán.  GV khẳng định lại kết quả bài toán. | **Bài 4:** Cho hình bình hành  (). Tia phân giác của góc  cắt  ở , tia phân giác của góc  cắt  ở .  a) Chứng minh  và  cân;  b) Chứng minh ;  c) Tứ giác  là hình gì?  **Giải**    a) Ta có  Suy ra  cân tại .  Chứng minh tương tự  cân tại  b) Ta có:  Xét  và  có  , ,  Do đó  (g – c- g)  c) Ta có    Tứ giác  có  và  Suy ra  là hình bình hành |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  Yêu cầu HS nêu định hướng giải của mỗi ý  - HS hoạt động cá nhân làm bài tập  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, thực hiện yêu cầu của GV.  - 2 HS lên bảng làm bài tập, HS dưới lớp làm vào vở ghi.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 2 HS đứng tại chỗ trả lời.  HS nhận xét lời giải 2 bài tập trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại cách viết các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng. | **Bài 1:** Cho hình bình hành  . Gọi ,  lần lượt là trung điểm của các cạnh , . Chứng minh .  **Lời giải**    Ta có:  Tứ giác  có  và  Tứ giác  là hình bình hành.  Suy ra |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 2.**  GV phát phiếu học tập, HS hoạt động nhóm giải toán  Hỗ trợ:  **-** Vận dụng kiến thức nào để chứng minh?  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, trao đổi thảo luận và trình bày bài ra phiếu học tậ  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - HS hoạt động theo nhóm, đại diện 1 hs lên bảng trình bày.  - Các nhóm đổi bài, lắng nghe và theo dõi bài làm của nhóm bạn để nhận xét.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn. | **Bài 2:** Hình bình hành , có  cắt  tại . Đường thẳng qua  cắt  tại .  a) Chứng minh  b) Chứng minh  là hình bình hành  **Giải**    a) Xét  và  có    Do đó (g – c – g)  b) Vì  nên  Suy ra  là trung điểm của  Tứ giác  có  là trung điểm của  là trung điểm của  Suy ra  là hình bình hành. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 3.**  Yêu cầu:  **-** HS thảo luận nhóm bàn tìm định hướng giải  - HS giải bài theo cá nhân  - 1 HS lên bảng trình bày  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm bàn và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 1 HS lên bảng làm bài  HS còn lại làm vào vở  Sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét .  - Đánh giá mức độ hoàn thành bài tập của bạn. | **Bài 3:** Cho hình chữ nhật , hai đường chéo  và  cắt nhau tại . Chứng minh .  **Lời giải.**    **Ta có**    **Xét**  và  có    ( là hình chữ nhật)  **Do đó**  (c – c – c) |
| **Hoạt động 2: Định lí Thales** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Nhắc lại về định lý thales, đường trung bình của tam giac, tính chất đường phân giác trong tam giác  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Hoạt động cá nhân trả lời.  - HS đứng tại chỗ trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  NV1, 2, HS đứng tại chỗ phát biểu  **Bước 4: Đánh giá nhận xét kết quả**  - GV cho HS khác nhận xét câu trả lời và chốt lại kiến thức.  - GV yêu cầu HS ghi chép kiến thức vào vở | **A. Nhắc lại lý thuyết.**  **I- Định lý Talet trong tam giác**  **-** Nếu một đường thẳng song song với một cạnh của tam giác và cắt hai cạnh còn lại thì nó định ra trên hai cạnh đó những đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ. *(Định lí Thalès thuận)*  - Nếu một đường thẳng cắt hai cạnh của một tam giác và định ra trên hai cạnh này những đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ thì đường thẳng đó song song với cạnh còn lại. *( Định lí Talès đảo)*  **II. Đường trung bình của tam giác**  **1) Định nghĩa**    - Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểmhai cạnh của tam giác.  - Ví dụ:  có  là trung điểm của  là trung điểm của  Khi đó đoạn thẳng  gọi là đường trung bình của  **2) Tính chất đường trung bình của tam giác.**  - Đường trung bình của tam giác song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó  - Cụ thể:  có  là đường trung bình thì  và  **III . Tính chất đường phân giác của tam giác**    Trong một tam giác, đường phân giác của một góc chia cạnh đối diện thành hai đoạn thẳng tỉ lệ với hai cạnh kề hai đoạn thẳng đó.  Trong  nếu  và thỏa mãn  thì  là đường phân giác của |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề bài **bài 4.**  Yêu cầu:  **-** HS thảo luận nhóm bàn tìm định hướng giải  - HS giải bài theo cá nhân  - 1 HS lên bảng trình bày  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm bàn và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 1 HS lên bảng làm bài  HS còn lại làm vào vở  Sau đó nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét .  - Đánh giá mức độ hoàn thành bài tập của bạn. | **Bài 4:** Cho ,  là một điểm nằm giữa  và . Qua  kẻ các đường thẳng song song với ,  lần lượt tại , .  a) Tứ giác  là hình gì? Vì sao?  b) Nếu  cân tại  thì điểm  ở vị trí nào trên cạnh  để tứ giác  là hình thoi?  c) Nếu  vuông tại  thì tứ giác  là hình gì?  d) Nếu  vuông cân tại  thì điểm  ở vị trí nào trên cạnh  để tứ giác  là hình vuông?  **Giải**  a)    Tứ giác  có  Do đó là hình bình hành  b) Để  là hình thoi thì  là phân giác của .  Mà  cân tại  nên  vừa là phân giác vừa là đường trung tuyến.  Vậy  là trung điểm của  thì  là hình thoi  **c)** Nếu  vuông tại  thì hình bình hành  là hình chữ nhật.  d) Nếu  vuông cân tại  thì điểm  ở là trung điểm cạnh  để tứ giác  là hình vuông. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1**  **-** GV cho HS đọc đề bài 1.  - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài 1  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, vận dụng định lí Thales đã học để giải toán.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 HS lên bảng giải.  - HS dưới lớp quan sát bạn làm và làm bài tập  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của HS và chốt lại một lần nữa cách làm của dạng bài tập. | **Bài 1:** Viết các hệ thức theo Định lí Talès trong các hình sau:        **Giải**  Hình 1:  Hình 2:  Hình 3: |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo bàn nhiệm vụ của mình  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, và thảo luận theo 4 nhóm để làm bài  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 nhóm đổi chéo bài để kiểm tra chéo kết quả.  - GV hỗ trợ chiếu bài tập của học sinh trên Ti-vi.  - 1 đại diện trình bày kết quả bài làm.  - HS quan sát bạn trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn  - Giải thích những thắc mắc hoặc vấn đề chưa rõ của HS.  - GV chốt kiến thức bài tập | **Bài 2:** Tính  hình vẽ sau    **Giải**  Ta có: |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV cho HS đọc đề **bài 3.**  **-** Thực hiện theo yêu cầu đề bài  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, làm bài theo nhóm và thảo luận tìm phương pháp giải phù hợp.  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - Đại diện các bàn báo cáo kết quả  - Sau khi các nhóm báo cáo kết quả, GV cử 1 HS lên bảng trình bày lời giải, HS dưới lớp làm vào vở ghi chép cá nhân bài giải.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn và phương pháp giải của bài toán.  GV khẳng định lại kết quả bài toán. | **Bài 3:** Cho ,  lần lượt là trung điểm của  Từ  kẻ đường thẳng song song với  cắt  tại  a)Chứng minh  b) Chứng minh  là hình bình hành.  **Lời giải**    a) có  hay  là trung điểm  Nên  là đường trung bình  b)Tứ giác  có  nên là hình bình hành. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo bàn nhiệm vụ của mình  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, và thảo luận theo 4 nhóm để làm bài  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 3 nhóm đổi chéo bài để kiểm tra chéo kết quả.  - GV hỗ trợ chiếu bài tập của học sinh trên Ti-vi.  - 1 đại diện trình bày kết quả bài làm.  - HS quan sát bạn trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn  - Giải thích những thắc mắc hoặc vấn đề chưa rõ của HS.  - GV chốt kiến thức bài tập | **Bài 4:** Tìm  trong hình sau    **Giải**  có  là đường phân giác  Nên |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2**  - HS làm việc nhóm, trao đổi theo bàn nhiệm vụ của mình  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc đề bài, suy nghĩ tìm hướng giải  **Bước 3**: **Báo cáo kết quả**  - 1 đại diện trình bày kết quả bài làm.  - HS quan sát bạn trình bày.  **Bước 4**: **Đánh giá kết quả**  - GV cho HS nhận xét chéo bài làm của các bạn  - Giải thích những thắc mắc hoặc vấn đề chưa rõ của HS.  - GV chốt kiến thức bài tập | **Bài 5.** Cho . Đường phân giác trong của góc  cắt  tại . Tính độ dài đoạn thẳng biết m, m, m.  **Giải**    **Vì**  và phân giác nên ta có  Suy ra |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG : Vận dụng: Bài tập trắc nghiệm** | |
| **Câu 1:** Cho tứ giác  có . Số đo góc  bằng  A.  B.  C.  D.   **Câu 2:** Cho tứ giác , trong đó . Tổng   A.  B.  C.  D.   **Câu 3:** Chọn câu đúng nhất.  A. Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau.  B. Trong hình thang cân, hai cạnh bên bằng nhau.  C. Trong hình thang cân, hai đường chéo bằng nhau  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 4:** Cho  cân tại . Các điểm  lần lượt trên các cạnh sao cho . Hãy chọn câu đúng:  A.  B.  là hình thang cân  C.  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 5:** Cho hình thang cân . Kẻ đường cao  của hình thang. So sánh  và .  A.  B.  C.  D. Không so sánh được  **Câu 6:** Hãy chọn câu đúng. Tứ giác  là hình bình hành nếu.  A.  B.   C.  D.   bài tập trắc nghiệm hình bình hành**Câu 7:** Hãy chọn câu trả lời sai: Cho hình vẽ, ta có:  A.  là hình bình hành B.  C.  là hình thang cân D.  **Câu 8:** Hãy chọn câu trả lời đúng. Hình thang cân  là hình chữ nhật khi:  A.  B.  C.  D.   **Câu 9:** Cho tứ giác , lấy  lần lượt là trung điểm của các cạnh . Tứ giác  cần có điều kiện gì để  là hình chữ nhật  A.  B.  C.  D.   **Câu 10:** Chọn câu đúng: Cho tứ giác  có:  A.  thì tứ giác  là hình chữ nhật  B. thì tứ giác  là hình chữ nhật  C. thì tứ giác  là hình chữ nhật  D. thì tứ giác  là hình chữ nhật  **Câu 11:** Cho tứ giác . Gọi  lần lượt là trung điểm của . Các đường chéo  của tứ giác  phải có điều kiện gì thì  là hình thoi?  A.  B.   C.  D.  **Câu 12:** Cho . Trên các cạnh  và  lần lượt lấy hai điểm  và  sao cho . Gọi  thứ tự là trung điểm của . Chọn câu đúng nhất.  A.  vuông góc với  B. Tứ giác  là hình thoi  C. Cả A, B đều đúng D. Cả A, B đều sai  **Câu 13:** Cho hình vẽ sau, chọn câu sai  A.  B.  C.  D.   **Câu :** 14Tìm giá trị của x trên hình vẽ  trắc nghiệm định lý thales trong tam giác  A.  B.  C.  D.  **Câu 15:** Hãy chọn câu sai. Cho hình vẽ với :  trắc nghiệm định lý thales trong tam giácA.  B.   C.  D.   **Câu 16:** Cho , các đường trung tuyến  và  cắt nhau ở . Gọi  theo thứ tự là trung điểm của . Tính  biết .  A.  B.  C.  D.  **Câu 17:** Cho  có chu vi 80. Gọi  là trung điểm của các cạnh . Chu vi của  là:  A.  B.  C.  D.   |  |  | | --- | --- | | **Câu 18:** Hãy chọn câu đúng. Tỉ số  và  của các đoạn thẳng trong hình vẽ, biết rằng các số trên hình cùng đơn vị đo là cm.  A.  B.  C.  D. |  |   **Câu 19:** Cho . Gọi  lần lượt là trung điểm của , . Độ dài  A. 3,5 cm B. 7 cm C. 10 cm D. 15 cm  **Câu 20:** Cho , đường trung tuyến . Tia phân giác của  cắt  ở , tia phân giác của  cắt  ở . Gọi  là giao điểm của  và . Tính độ dài , biết .  A. 9 cm B. 6 cm C. 20 cm D. 12 cm  **Đáp án**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | | ĐA | B | C | D | D | C | D | C | D | D | A | A | C | B | A | D | C | A | A | B | C | | |

**V. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

Bài vừa học: - Ghi nhớ kiến thức trong bài.

- Hoàn thành bài tập trong SBT.

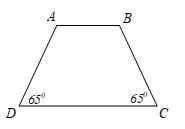
**Bài tập về nhà**

**Bài 1.** a) Cho tứ giác , biết rằng . Tính các góc của tứ giác .

b) Cho tứ giác , biết rằng . Tính các góc của tứ giác .

c) Cho tứ giác , biết rằng . Tính các góc của tứ giác .

**Bài 2:**



a) Cho biết hình thang  là hình thang gì?

b) Tính 

**Bài 3.** Cho hình bình hành , lấy  lần lượt là trung điểm của . Chứng minh  là hình bình hành.

**Bài 4**. Tính diện tích hình bình hành  có đường chéo , biết .

**Bài 5:** Cho hình hình hành . Lấy điểm  sao cho  là trung điểm của , lấy điểm  sao cho  là trung điểm của . Chứng minh rằng:

a) Hai tứ giác  là những hình bình hành.

b) Các trung điểm của ba đoạn thẳng  trùng nhau.

**Bài 6:** Hình thoi có  lần lượt là trung điểm của các cạnh , , , . Chứng minh  là hình chữ nhật.

**Bài 7:** Hình chữ nhật  có  lần lượt là trung điểm của các cạnh , , , . Chứng minh  là hình thoi.

**Bài 8:** Cho hình chữ nhật  có chu vi bằng 20cm. Gọi  là trung điểm của . Biết rằng . Tính độ dài các cạnh của hình chữ nhật .

**Bài 9:** Cho hình bình hành . Lấy điểm  trên tia  sao cho .

a) Tứ giác  có phải là hình bình hành không? Tại sao?

b) Khi  vuông cân tại , hãy tính số đo các góc của tứ giác .

**Bài 10:** Để đo khoảng cách hai điểm B và C bị chắn bởi 1 cái hố sâu, người ta thực hiện đo như hình. Biết khoảng cách giữa hai điểm D và E đo được là 53m, Hỏi B và C cách nhau bao nhiêu m.



**Bài 11:** Cho  cân tại  có  Đường phân giác  cắt đường trung tuyến  tại 

1. Tính tỉ số  b) Tính tỉ số 

**Bài 12:** Cho  vuông tại . Gọi  lần lượt là trung điểm của .

a) Chứng minh rằng 

b) Gọi  là trung điểm của . Chứng minh rằng ba điểm  thẳng hàng

**Bài 13:** Cho , các đường trung tuyến  và  cắt nhau tại . Gọi  lần lượt là trung điểm của . Chứng minh tứ giác  là hình bình hành.

**Bài 14:** Cho , Điểm  thuộc cạnh , điểm  thuộc cạnh . Kẻ  song song với , kẻ  song song với . Chứng minh 

Bài sắp học: - Chuẩn bị bài sau **“Kiểm tra học kì 1”**